

ĐIỀU LỆ

TỔNG HỘI NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 937/QĐ – BNV ngày 15 tháng 8 năm 2013
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi

1. Tên tiếng Việt: Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Federation of Agriculture and Rural Development Associations.
3. Tên viết tắt: VFARDA.
4. Biểu tượng: Tổng hội có biểu tượng riêng, được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng hội) là tổ chức xã hội – nghề nghiệp tự nguyện của các tổ chức hội chuyên ngành được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, các công dân Việt Nam là chuyên gia hàng đầu ngành hoạt động trong các lĩnh vực: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn.
2. Mục đích của Tổng hội là tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Tổng hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và Điều lệ Tổng hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
2. Trụ sở chính Tổng hội đặt tại số 126 phố Trung Kính, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Tổng hội có văn phòng đại diện ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Tổng hội hoạt động trên phạm vi cả nước, trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi và phát triển nông thôn.
2. Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn của các bộ, ngành liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự đảm bảo kinh phí hoạt động.
4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích và hoạt động của Tổng hội.
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của các cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Tổng hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Tổng hội và lĩnh vực Tổng hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật và được cấp chứng chỉ hành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Tổng hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Tổng hội theo quy định của pháp luật.
8. Được gây quỹ Tổng hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.
9. Được nhân các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật và báo cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Tổng hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Tổng hội và gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức hoạt động của Tổng hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Tổng hội đã được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Tổng hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.
2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Tổng hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động Tổng hội góp phần xây dựng và phát triển đất nước.
3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Tổng hội.
4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội theo quy định của pháp luật.
5. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Tổng hội theo quy định của pháp luật.
6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động Tổng hội.
7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Tổng hội theo đúng quy định của pháp luật.
8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

Hội viên của Tổng hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

1. Hội viên chính thức: Các hội, hiệp hội, tổ chức, doanh nghiệp của Việt Nam được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, công dân Việt Nam là chuyên gia đầu ngành hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn, tán thành Điều lệ Tổng hội, tự nguyện gia nhập Tổng hội, có thể trở thành hội viên chính thức của Tổng hội.
2. Hội viên liên kết: Các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội, có đóng góp cho sự phát triển của Tổng hội, tán thành Điều lệ Tổng hội thì được Tổng hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết.
3. Hội viên danh dự: Công dân hoặc tổ chức Việt Nam có đóng góp xuất sắc cho ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cho Tổng hội nhưng không đủ điều kiện là hội viên chính thức thì được mời làm hội viên danh dự của Tổng hội.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Tổng hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Tổng hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội, được tham gia các hoạt động do Tổng hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định của các chủ trương công tác của Tổng hội theo quy định của Tổng hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với các cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Tổng hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử của các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Tổng hội theo quy định của Tổng hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được Tổng hội khen thưởng theo quy định của Tổng hội.
7. Được cấp thẻ hội viên.
8. Được ra khỏi Tổng hội khi xem xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề Tổng hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu Ban Lãnh đạo, Ban Kiểm tra Tổng hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Tổng hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Tổng hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Tổng hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Tổng hội, không được nhân danh Tổng hội trong các quan hệ giao dịch, trừ các lãnh đạo Tổng hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo các quy định của Tổng hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Tổng hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Tổng hội

1. Thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên:
 - a) Các tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 8 Điều lệ này có nguyện vọng trở thành hội viên Tổng hội phải có đơn (theo mẫu của Tổng hội) gửi Ban Chấp hành Tổng hội;
 - b) Thẩm quyền kết nạp hội viên mới thuộc Ban Chấp hành Tổng hội;

c) Hội viên có nghĩa vụ đóng hội phí trong vòng 15 ngày kể từ ngày được kết nạp.

2. Thủ tục xin ra khỏi Tổng hội:

a) Hội viên chính thức, hội viên liên kết có nguyện vọng xin ra khỏi Tổng hội phải có đơn xin ra khỏi Tổng hội (theo mẫu của Tổng hội) gửi Ban Chấp hành Tổng hội;

b) Ban Chấp hành Tổng hội thông báo danh sách hội viên ra khỏi Tổng hội tại kỳ họp Ban Chấp hành gần nhất.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Tổng hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn.
6. Các tổ chức thuộc Tổng hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Tổng hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; Phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Tổng hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ; Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Tổng hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và báo cáo tài chính của Tổng hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Tổng hội;

đ) Quyết định những vấn đề quan trọng về tôn chỉ mục đích, nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng hội;

e) Các nội dung khác (nếu có);

g) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt biểu quyết tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Tổng hội

1. Ban Chấp hành Tổng hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của Tổng hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

- a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Tổng hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Tổng hội giữa hai kỳ Đại hội;
- b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;
- c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Tổng hội;
- d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Tổng hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý; sử dụng tài chính, tài sản của Tổng hội; quy chế quản lý; sử dụng con dấu của Tổng hội; quy chế khen thưởng; kỷ luật; các quy định trong nội bộ Tổng hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội;
- đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bổ sung không được quá 30% so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

- a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng hội;
- b) Ban Chấp hành Tổng hội họp định kỳ một năm một lần và có thể bất thường theo đề nghị của Ban Thường vụ Tổng hội;
- c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành tham dự họp. Ban chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Tổng hội

1. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành bầu ra, gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

- a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Tổng hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Tổng hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;
- b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;
- c) Quyết định thành lập tổ chức, đơn vị trực thuộc Tổng hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

- a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội;
- b) Ban Thường vụ họp định kỳ 6 (sáu) tháng một lần và có thể họp bất thường theo đề nghị của Chủ tịch Tổng hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ đề nghị;
- c) Các cuộc họp Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;
- d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Tổng hội.

Điều 16. Ban Kiểm tra của Tổng hội

1. Ban Kiểm tra Tổng hội gồm: Trưởng Ban, Phó trưởng ban và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

- a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Tổng hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Tổng hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Tổng hội, hội viên;
- b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Tổng hội;

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo điều lệ quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Điều 17. Các cơ quan giúp việc

1. Ban Thư ký gồm: Tổng Thư ký, các Phó Tổng thư ký và các cán bộ giúp việc. Tổ chức nhân sự của Ban Thư ký do Tổng hội thư ký đề xuất Ban Thường vụ thông qua.

2. Văn phòng Tổng hội là cơ quan giúp việc của Tổng hội do Tổng thư ký phụ trách. Tổ chức và nhân sự của Văn phòng do Tổng thư ký đề nghị và Ban Thường vụ thông qua.

3. Các phòng, ban chuyên môn được thành lập để thực hiện các chương trình, đề án của Tổng hội. Ban thường vụ có thể mời một số chuyên viên trong hoặc ngoài Tổng hội tham gia các ban chuyên môn của Tổng hội (gọi là cộng tác viên).

Các ban chuyên môn và cơ quan giúp việc được thành lập và hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành quyết định.

Điều 18. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Tổng hội

1. Chủ tịch Tổng hội là đại diện pháp nhân của Tổng hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Tổng hội. Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành bầu ra trong số các ủy viên Ban Chấp hành Tổng hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Tổng hội:

- a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Tổng hội;
- b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Tổng hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Tổng hội; trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tổng hội về mọi hoạt động của Tổng hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Tổng hội theo quy định Điều lệ Tổng hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tổng hội;
- c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì cuộc họp của Ban Thường vụ;
- d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Tổng hội;
- đ) Khi Chủ tịch Tổng hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Tổng hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Tổng hội.

3. Phó Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Tổng hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Tổng hội do Ban Chấp hành Tổng hội quy định.

Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Tổng hội chỉ đạo, điều hành công tác của Tổng hội theo sự phân công của Chủ tịch Tổng hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Tổng hội trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Tổng hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Tổng hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành Tổng hội.

Điều 19. Tổng thư ký, Phó Tổng thư ký Tổng hội

1. Tổng thư ký do một Phó Chủ tịch Tổng hội kiêm nhiệm, có nhiệm vụ phụ trách và điều hành các hoạt động của Văn phòng Tổng hội, giúp Chủ tịch trong giao dịch với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm thực hiện chương trình công tác Tổng hội.
2. Phó Tổng thư ký là người giúp Tổng thư ký về đối ngoại, pháp chế và chương trình khoa học công nghệ.

Chương V**CHIA TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ****Điều 20. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Tổng hội**

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Tổng hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI**TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN****Điều 21. Tài chính, tài sản của Tổng hội**

1. Tài chính của Tổng hội:

a) Nguồn thu của Tổng hội:

- Lệ phí gia nhập Tổng hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- Các khoản thu hợp pháp khác;

b) Các khoản chi của Tổng hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Tổng hội;
- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;
- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Tổng hội theo quy định của Ban Chấp hành Tổng hội phù hợp với quy định của pháp luật;
- Chi khen thưởng và các tài khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Tổng hội: Tài sản của Tổng hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Tổng hội. Tài sản của Tổng hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Tổng hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hiệp hội

1. Tài chính, tài sản của Tổng hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Tổng hội.
2. Tài chính, tài sản của Tổng hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Ban chấp hành Tổng hội ban hành quy chế quản lý sử dụng tài chính, tài sản của Tổng hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ mục đích hoạt động của Tổng hội.

Chương VII**Điều 23. Khen thưởng**

1. Tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội, hội viên có thành tích xuất sắc được Tổng hội khen hoặc được Tổng hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Tổng hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Tổng hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Điều 24. Kỷ luật

- 1. Tổ chức, đơn vị thuộc Tổng hội, hội viên vi phạm pháp luật; vi phạm Điều lệ, quy định, quy chế hoạt động của Tổng hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo và bãi miễn tư cách hội viên.
- 2. Ban Chấp hành Tổng hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Tổng hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng hội

- 1. Chỉ có Đại hội Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này.
- 2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam phải ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội tán thành và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới có hiệu lực thi hành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

- 1. Điều lệ này gồm 8 (tám) Chương, 26 (hai mươi sáu) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam lần thứ nhất (nhiệm kỳ 2013 -2018) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2013 và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.
- 2. Căn cứ các quy định pháp luật về hội và Điều lệ Tổng hội, Ban Chấp hành Tổng hội Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

	<div>KT. BỘ TRƯỞNG THỨ TRƯỞNG (đã ký)</div> <div>Nguyễn Tiến Dĩnh</div>
--	---